

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2021.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Sơn.

2. Bà Lưu Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 593/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trương Thụy Tường V, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà 2, đường số 14, đường Châu Văn L, khu phố H, phường HT, thị xã H, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* anh La Văn S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà 22A, đường số 14, đường Châu Văn L, khu phố H, phường HT, thị xã H, tỉnh T (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thụy Tường V trình bày:

Chị và anh La Văn S chung sống với nhau từ năm 2010, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã P, huyện N, Thành phố H. Vợ chồng chị chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nên cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc. Nhận thấy,

cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên nay chị yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 03 người con chung tên La Thụy Hoàng O, sinh năm 2011, La Trọng N, sinh năm 2017, La Trọng H, sinh năm 2019. Khi ly hôn, chị V yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cả ba người con chung không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không yêu cầu giải quyết.

Không có ai khác nợ lại hai vợ chồng.

Bị đơn anh La Văn S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt do đó không có lời trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thụy Tường V đối với anh La Văn S.

Chị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: anh La Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị Trương Thụy Tường V có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về hôn nhân: chị Trương Thụy Tường V và anh La Văn S chung sống vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố H đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình sống chung chị V cho rằng hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án thấy rằng anh S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, thể hiện không có thiện chí muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cho nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thụy Tường V đối với anh La Văn S.

[3] Về con chung: chị V và anh S có ba con chung tên là La Thụy Hoàng O, sinh năm 2011, La Trọng N, sinh năm 2017, La Trọng H, sinh năm 2019, chị V yêu cầu được nuôi dưỡng ba con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, anh S không có mặt nên đề trình bày ý kiến về việc nuôi con chung nên chấp nhận yêu cầu của chị V giao ba con chung là các cháu Oanh, Nghĩa, Hiếu, cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị V không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh La Văn S được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị V, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết vấn đề này.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thụy Tường V đối với anh La Văn S, chị Trương Thụy Tường V được ly hôn với anh La Văn S.

2. Về con chung: Giao ba con chung là cháu La Thụy Hoàng O, sinh năm 2011, La Trọng N, sinh năm 2017, La Trọng H, sinh năm 2019 cho chị Trương Thụy Tường V nuôi dưỡng, ghi nhận chị V không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh La Văn S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0009287 ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh T, chị V đã thi hành xong tiền án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm Ly